

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**



NGUYỄN THÀNH LÂM

**DẠY HỌC ĐỌC HIỂU KỊCH BẢN VĂN HỌC
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC THEO ĐẶC TRƯNG LOẠI THỂ**

Chuyên ngành: Lí luận và PP dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt

Mã số : 6214. 0111

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội - 2016

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS Nguyễn Trọng Hoàn**
- 2. PGS, TS Nguyễn Thúy Hồng**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện họp tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 101 Trần Hưng Đạo, Hà Nội

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

CÓ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thành Lâm (2014), “Thể loại bi kịch và đôi nét về nhân vật Vũ Như Tô trong đoạn trích “Vĩnh biệt cửu trùng đài” (Ngữ văn 11), Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 5, tr 137, 143-144.
2. Nguyễn Thành Lâm (2014), “Dạy đọc hiểu trích đoạn kịch “Bắc Sơn” (Ngữ văn 9) theo đặc trưng thể loại”, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7, tr 140-141).
3. Nguyễn Thành Lâm (2014), “Một số hoạt động ngoại khóa góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giờ dạy học tác phẩm kịch ở trường trung học”, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr 209-211.
4. Nguyễn Thành Lâm (2014), “Một hướng dạy học hài kịch của Mô-li-e”, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, trang 218-220.
5. Nguyễn Thành Lâm (2015), “Sử dụng hệ thống câu hỏi đọc hiểu trong dạy đọc hiểu kịch bản văn học ở trường phổ thông”, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số đặc biệt 4, tr 16-17, 19.

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Theo quan điểm chỉ đạo về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI: “Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ **chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học**” thì mục tiêu của dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông không chỉ là dạy kiến thức văn học, ngôn ngữ mà quan trọng hơn là dạy HS cách học, tổ chức các hoạt động định hướng con đường chiếm lĩnh kiến thức. Qua đó, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, đồng thời phát triển hài hoà cả về trí tuệ và nhân cách.

1.2. Dạy đọc hiểu KBVH theo đặc trưng thể loại giúp HS biết cách tiếp cận đúng loại thể với mỗi văn bản kịch, cung cấp tri thức nền tảng, tri thức công cụ và tri thức PP để HS có khả năng tự đọc hiểu các văn bản kịch khác góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn Ngữ văn, giúp HS yêu thích KỊCH - loại hình nghệ thuật gần gũi đời sống, bồi dưỡng năng lực thưởng thức nghệ thuật, nâng cao trình độ dân trí, ý thức văn hóa cho mỗi HS.

1.3. Văn bản kịch là loại văn bản có những nét đặc thù đòi hỏi PPDH phù hợp nhưng trên thực tế việc dạy học theo đúng đặc trưng loại thể chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Với những đặc trưng riêng về thể loại do sự quy định của yêu cầu biểu diễn trên sân khấu, kịch cần có PP, biện pháp tiếp cận phù hợp để vừa đảm bảo tính chất loại hình sân khấu, vừa phát huy được vai trò của một nội dung học tập trong nhà trường phổ thông.

1.4. Thực tế dạy học ở trường phổ thông cho thấy việc dạy học KBVH gặp nhiều khó khăn hơn so với các thể loại văn học khác. Dù các văn bản kịch được đưa vào chương trình và SGK phổ thông đều là những tác phẩm hay, phù hợp với HS nhưng vẫn không tạo được sự hứng thú với cả GV và HS như dạy học các tác phẩm tự sự, trữ tình. Một trong những nguyên nhân của thực trạng này là do việc dạy học kịch phần lớn giống với dạy học tác phẩm tự sự, ít chú ý khai thác các yếu tố đặc trưng của kịch như: hành động kịch, xung đột kịch, ngôn ngữ đối thoại của kịch,... Còn thiếu

các hoạt động liên môn, hoạt động thực tế để mở rộng kiến thức, đào sâu suy nghĩ của HS với loại hình nghệ thuật tổng hợp này.

Trên đây là những lý do để chúng tôi lựa chọn nghiên cứu vấn đề “*Dạy học đọc hiểu kịch bản văn học ở trường trung học theo đặc trưng loại thể*”.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu về hoạt động đọc

Từ những thập niên 70 của thế kỉ XX trở lại đây đã có rất nhiều công trình, bài báo viết về vấn đề đọc và liên quan đến đọc hiểu trong phạm trù đọc văn bản tiêu biểu như: K.Goodman (1970), A.Pugh (1978), P.Arson (1984), L.Baker A.Brown (1984), U.Frith (1985), M.Adams (1990), R.Jauss với *Hoạt động đọc và Hiện tượng đọc và học*, R.Vemezki với *Yêu cầu kĩ năng của việc đọc*, B.Naidensov với *Phương pháp đọc diễn cảm*, Sorenbenalt với *Phản ứng tâm lí của quá trình đọc...*, Mortimer Adler với *Đọc sách như một nghệ thuật* (2008), A.Blake. K với *Các kĩ năng đọc ở trường trung học phổ thông*.

Khoảng năm 2002 - 2003, một công trình về đọc hiểu khá đồ sộ được công bố của tập thể tác giả có uy tín về vấn đề này. Nội dung cuốn sách khá phong phú. Sách đề cập đến *Lịch sử việc đọc* của Erich Schon, *Tâm lí học của việc đọc* của Ursula Christmann, *Nghiên cứu việc đọc ứng dụng* do Norbert Groeben viết. Đặc biệt phần quan trọng của cuốn sách với tiêu đề *Xã hội đọc, giảng dạy văn học và yêu cầu đọc trong nhà trường* do Mechthild Dehn và Gudrund Schulf viết đã nhấn mạnh việc học đọc và việc dạy đọc có hiệu quả.

Các công trình nghiên cứu trên đều quan tâm và khẳng định đọc là hoạt động quan trọng của con người. Đọc để tiếp thu tri thức, để phát triển con người về cả tâm hồn và thể chất. Nhận xét này đã khái quát một cách chính xác vai trò của sách đối với cuộc sống nhân loại.

Về vấn đề PP đọc và dạy đọc, ở Việt Nam có nhiều công trình nghiên cứu về đọc, từ sách dịch đến sách của các nhà nghiên cứu trong nước. Đó là *Phương pháp đọc sách* (1976) của A.Primacopxki, *Đổi mới đọc và bình văn* (1999), *Dạy học tập đọc ở tiểu học* (2001) của Lê Phương Nga, *Phương pháp đọc diễn cảm* (2007) của Hà Nguyễn Kim Giang,... cùng nhiều bài báo bàn về chuyện đọc sách, cách đọc sách và văn hóa đọc.

2.2. Nghiên cứu về ĐHVB trong dạy học Ngữ văn

Từ khi thuật ngữ “đọc hiểu” được đưa vào chương trình và SGK, và “đọc hiểu văn bản” thay thế cho tên gọi “giảng văn” thì vấn đề đọc hiểu văn bản càng được quan tâm nghiên cứu, thể hiện quan điểm chú ý đến chủ thể hoạt động là HS và hoạt động chủ đạo là ĐHVB. Những người quan tâm đến vấn đề này phải kể đến các tác giả Nguyễn Thanh Hùng, Trần Đình Sử, Lê Phương Nga, Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Trọng Hoàn, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Thái Hoà, cùng đội ngũ các nhà nghiên cứu trẻ, đội ngũ GV đang trực tiếp dạy học.

Những vấn đề mấu chốt của vấn đề đọc hiểu văn bản văn học trong nhà trường phổ thông đã được tác giả Nguyễn Thanh Hùng trình bày tương đối đầy đủ và hệ thống trong cuốn *Kỹ năng đọc hiểu Văn*, “Đọc hiểu là một phạm trù khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy văn học. Bản thân nó là khái niệm có quan hệ với năng lực đọc, hành động đọc, kỹ năng đọc để nắm vững ý nghĩa của văn bản nghệ thuật ngôn từ...”.

Tác giả Trần Đình Sử đã khẳng định: “Học văn trước hết là phải đọc hiểu văn, mà đọc hiểu văn thì không đơn giản như là đọc chữ. Bất cứ ai thoát nạn mù chữ đều có thể đọc được các văn bản nhưng không nhất thiết là đọc hiểu văn... Có đọc hiểu văn rồi mới biết thế nào là văn hay, thế nào là thi hiệu văn lành mạnh và viết thế nào là hay”. Tác giả Nguyễn Trọng Hoàn trong bài mở đầu cuốn *“Đọc hiểu văn bản Ngữ văn 6”* đã bàn *“Về quan niệm và giải pháp đọc hiểu văn bản Ngữ văn”*.

Công trình *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông* của tác giả Phạm Thị Thu Hương có những đóng góp thiết thực cụ thể khi bàn về đọc hiểu từ góc độ những chiến thuật đọc hiểu cơ bản.

Vấn đề đọc hiểu được quan tâm vận dụng vào việc dạy học Tiếng Việt được thể hiện trong công trình *Dạy học tập đọc ở Tiểu học* của Lê Phương Nga, công trình *Dạy học đọc hiểu ở Tiểu học* của tác giả Nguyễn Thị Hạnh (2002). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ Tiểu học* của Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết cũng đã bàn khá sâu về vấn đề dạy đọc hiểu văn bản ở bậc TH.

Trong công trình *Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông* do Hoàng Hòa Bình chủ biên, phần viết về đọc hiểu văn bản, tác giả Hoàng Hoà Bình đã bàn đến vấn đề đọc hiểu với tư cách là một PPDH. Tên gọi của PP này thể hiện tinh thần đổi mới vì nó đề cao vai trò chủ thể tích cực, sáng tạo của HS trong hoạt động đọc, phân biệt với PPDH có tên gọi thể hiện sự đề cao vai trò của GV - người thuyết trình, diễn giảng, giảng văn, bình giảng, bình chú,... cho HS hiểu, cảm thụ được vẻ đẹp của ngôn từ, giá trị văn bản.

2.3. Vấn đề dạy học KBVH theo đặc trưng loại thể

Dạy học theo đặc trưng loại thể là tư tưởng quan trọng trong dạy học Ngữ văn. Có rất nhiều ý kiến về vấn đề này. Trước hết đó là công trình xuất hiện khá sớm trong lịch sử nghiên cứu văn học thời hiện đại là *Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể* của nhóm tác giả Trần Thanh Đạm, Huỳnh Lý, Hoàng Như Mai,... Trong *Kịch và giảng dạy kịch* phần do tác giả Huỳnh Lý viết đã đề cập đến vấn đề giảng dạy kịch, khái niệm về kịch, vị trí của kịch trong các loại hình nghệ thuật, đặc tính của kịch mà người giảng dạy kịch cần chú ý, sự khác nhau giữa bi kịch và hài kịch, quá trình phát triển của kịch nói ở nước ta, những vở kịch trong chương trình văn học cấp III (cấp THPT hiện nay).

Tác giả Nguyễn Viết Chữ trong cuốn *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương (theo loại thể)*, tác giả Phùng Văn Tửu trong công trình *Cảm thụ và giảng dạy văn học nước ngoài* đã có những ý kiến đóng góp về việc dạy học kịch. Dạy học KBVH theo đặc trưng loại thể đã được bàn trong các công trình nghiên cứu. Tuy nhiên việc dạy đọc hiểu KBVH theo đặc trưng loại thể thì chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, đầy đủ và có hệ thống để từ đó đề xuất những PPDH phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo yêu cầu đổi mới PPDH hiện nay.

3. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu thực trạng và giải pháp dạy đọc hiểu KBVH ở trường trung học bám sát đặc trưng loại thể nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy và học KBVH ở trường PT theo yêu cầu đổi mới PPDH hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của LA là dạy học KBVH ở trường trung học.

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Việc dạy học đọc hiểu KBVH cho HS trung học (THCS và THPT) ở 07 huyện, thị xã, thành phố: Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Quảng Yên, Tiên Yên, Hải Hà, Móng Cái của tỉnh Quảng Ninh.

5. Nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu

- Xác định các đặc trưng loại thể KBVH để vận dụng vào việc xác định hướng tiếp cận tác phẩm văn học kịch.

- Nghiên cứu các PP, hình thức tổ chức dạy học đọc hiểu tích cực, hiện đại của Việt Nam và thế giới, đặc biệt chú ý các PP phát huy tinh thần tự học, tự đọc của HS, vận dụng vào việc soạn giáo án, dạy thực nghiệm. Qua đó, tìm ra các PP, biện pháp dạy học đọc hiểu KBVH khả thi, đạt hiệu quả.

6. Giả thuyết khoa học

Nếu đề xuất được một số biện pháp, hình thức tổ chức dạy học đọc hiểu KBVH phù hợp, tôn trọng đặc trưng loại thể và có tính thực tiễn cao, vận dụng có hiệu quả vào hoạt động dạy học thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học KBVH nói riêng và môn Ngữ văn hiện nay.

7. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng ba nhóm PP: Nhóm PP nghiên cứu lí thuyết; Nhóm PP nghiên cứu thực tiễn; Nhóm PP thực nghiệm sư phạm với các PP điều tra, phỏng vấn, quan sát, thống kê, xử lí số liệu,... để có những kết luận về hiệu quả của các giải pháp từ kết quả thực nghiệm.

8. Đóng góp mới của Luận án

8.1. Về lí luận: Bổ sung những vấn đề lí luận về dạy học đọc hiểu KBVH theo đặc trưng loại thể, về câu hỏi đọc hiểu, về các hình thức tổ chức hoạt động đọc hiểu KBVH cho HS theo đặc trưng loại thể, đề xuất các biện pháp, hình thức tổ chức dạy học cụ thể phù hợp với thể loại kịch.

8.2. Về thực tiễn: Vận dụng các biện pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học đã đề xuất để định hướng dạy học đọc hiểu KBVH cho từng thể loại cụ thể. Một số loại câu hỏi đọc hiểu và các hoạt động dạy và học đề

xuất trong luận án tập trung rèn luyện kỹ năng đọc hiểu KBVH theo đúng đặc trưng thể loại.

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, phần nội dung của Luận án gồm:

Chương I: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy học đọc hiểu kịch bản văn học theo đặc trưng loại thể

Chương II: Một số biện pháp tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu kịch bản văn học theo đặc trưng loại thể

Chương III: Thực nghiệm sư phạm.

Chương I

CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA DẠY HỌC ĐỌC HIỂU KỊCH BẢN VĂN HỌC THEO ĐẶC TRƯNG LOẠI THỂ

1.1. Cơ sở lí luận của dạy học đọc hiểu KBVH

1.1.1. Lí thuyết đọc hiểu văn bản

1.1.1.1. Quan niệm về đọc hiểu

Ở Việt Nam, thuật ngữ “đọc hiểu” (reading comprehension) đã được đưa vào CT và SGK Việt Nam thay cho những thuật ngữ quen thuộc “giảng văn”, “phân tích văn bản”,... cùng với sự nhấn mạnh hơn nữa việc chuyển đổi trung tâm từ GV sang HS, chú ý đến vai trò của người học, bạn đọc HS trong dạy học Ngữ văn. Đọc hiểu bao gồm hai hoạt động là “đọc” và “hiểu”. Đọc là một hoạt động của con người dùng thị giác của mình để tiếp nhận ngôn ngữ và hiểu là mục đích, là kết quả tất yếu của hoạt động đọc. Hiểu là sự thu nhận kiến thức, thông tin, ý đồ của tác giả ở một mức độ nhất định nào đó.

1.1.1.2. Nội dung đọc hiểu văn bản

Nội dung đọc hiểu bao gồm nội dung trong văn bản mà tác giả viết ra với mong muốn thể hiện tư tưởng và chờ đợi người đọc tìm ra, đồng tình cùng với các yếu tố ngoài văn bản do bạn đọc, do đặc điểm lịch sử, xã hội mang lại. Nội dung đọc hiểu không chỉ là các yếu tố trong văn bản mà còn là các yếu tố ngoài văn bản: tác giả, hoàn cảnh sáng tác, hoàn cảnh đọc hiểu, tác động của văn bản đến bạn đọc và xã hội.

1.1.1.3. Dạy đọc hiểu văn bản trong trường trung học

Dạy học ĐHV B trong trường phổ thông là hình thành kỹ năng đọc, phát triển năng lực đọc, tạo hứng thú, động cơ học tập cho HS. Dạy học ĐHV B không chỉ là chỉ ra cách thức tổ chức các hoạt động đọc văn bản trong SGK mà giúp HS biết vận dụng kỹ năng, huy động năng lực đã có để đọc hiểu các văn bản đồng loại, các loại văn khác trong đời sống. Đó còn là dạy HS tự học, tự nghiên cứu để các em có ý thức tự giác, có năng lực tự học suốt đời.

1.1.1.4. Lí luận dạy học hiện đại và dạy học đọc hiểu KBVH ở trường trung học

Theo quan điểm dạy học hiện đại, hoạt động học tập của người học cũng rất đa dạng và phong phú. Bên cạnh các hoạt động học tập truyền thống như: hỏi đáp, nêu vấn đề, thuyết trình,... còn cần có thêm các hoạt động khác như trải nghiệm, đóng vai, tổ chức hoạt động đặc thù... phù hợp với tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần lĩnh hội và phát triển. Theo tinh thần đó, việc tổ chức hoạt động dạy học phải giúp HS thực sự tham gia vào các hoạt động đọc văn bản, tự đọc, tự chuẩn bị tâm thế, tự nêu vấn đề bằng các câu hỏi phát sinh trong quá trình đọc.

1.1.1.5. Dạy học đọc hiểu văn bản ở trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

Mục tiêu cơ bản nhất của dạy học theo quan điểm phát triển năng lực và phẩm chất chính là hình thành và phát triển năng lực tự học, tự vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học vào thực tế cuộc sống. Như vậy, việc dạy học đọc hiểu giúp HS hình thành tri thức loại thể, có kỹ năng vận dụng tri thức loại thể vào việc tự đọc hiểu các văn bản khác nhau chính là một trong những phương pháp dạy học phát triển năng lực, năng lực tự đọc, tự học, tự vận dụng.

1.1.2. Quan niệm về loại và thể trong văn học và ý nghĩa của dạy học theo đặc trưng loại thể

1.1.2.1. Quan niệm về loại và thể

Xét về loại, lí luận văn học hiện đại có hai cách chia, cách thứ nhất kế thừa từ “*Nghệ thuật thi ca*” của Aristote, chia các tác phẩm văn học thành ba loại dựa trên tiêu chí phương thức phản ánh: tự sự, trữ tình, kịch. Trong các

loại thì có các thể, và quen gọi là thể loại. Cách chia thứ hai, xuất hiện muộn hơn, chia văn học thành bốn loại: thơ ca, tiểu thuyết, kịch và kí. Tuy nhiên, mọi cách phân loại đều chỉ có tính chất tương đối. Bởi các tác phẩm văn học dù được xếp vào loại nào, thể nào cũng vẫn có sự giao thoa với đặc điểm của các loại thể khác. Trong tác phẩm tự sự vẫn có yếu tố trữ tình và ngược lại. Trong kịch có sự kết hợp của trữ tình và tự sự.

Vấn đề loại thể văn học có ý nghĩa quan trọng đối với hai giai đoạn trong đời sống của tác phẩm văn học: sáng tác và tiếp nhận.

1.1.2.2. Dạy học đọc hiểu KBVH theo đặc trưng loại thể trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học

Dạy học ĐHVH theo đặc trưng loại thể là cách dạy cung cấp cho HS chìa khóa để biết cách “giải mã” tác phẩm. Mỗi thể loại, mỗi tác phẩm thuộc thể loại được dạy trong nhà trường đều có cách nói riêng, nhằm biểu đạt nội dung riêng. Nắm vững thi pháp thể loại, HS mới có khả năng “giải mã” những tác phẩm cùng thể loại.

Trong văn bản thuộc loại kịch, vấn đề “chất của loại trong thể” càng phức tạp hơn. Bởi ở tác phẩm kịch có thể thấy rõ sự giao thoa thể loại. Khi dạy học đọc hiểu KBVH theo đặc trưng loại thể, cần chú ý xác định rõ thể loại của văn bản từ đó dùng tri thức về thể loại để khám phá tác phẩm.

1.1.2.3. Con đường hình thành tri thức loại thể kịch bản văn học cho học sinh trung học

a. Tri thức về kịch bản văn học được hình thành trong khi học KBVH trong nhà trường

b. Tri thức về kịch được hình thành qua các hoạt động xem kịch

c. Tri thức về kịch được hình thành qua hoạt động đọc sách báo phổ biến kiến thức về kịch

1.1.3. Kịch và kịch bản văn học

1.1.3.1. Kịch là gì?

Kịch là một thể loại văn học (kịch bản), sau đó là một tác phẩm sân khấu (nghệ thuật trình diễn). Trước khi lên sân diễn với sự sáng tạo, chỉ đạo của đạo diễn và diễn xuất của diễn viên, hỗ trợ của sân khấu thì nó là “kịch bản văn học”. Theo “*Từ điển thuật ngữ văn học*” của nhóm tác giả

Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, thuật ngữ kịch được dùng theo hai cấp độ. Ở cấp độ loại hình: “Kịch là một trong ba phương thức cơ bản của văn học (kịch, tự sự, trữ tình). Kịch vừa thuộc sân khấu vừa thuộc văn học. Kịch bản vừa dùng để diễn là chủ yếu lại vừa để đọc vì kịch bản chính là phương diện văn học của kịch. Theo đó, tiếp nhận kịch bản chính là tiếp nhận phương diện của văn học kịch”. Nói đến kịch là phải nói đến sự biểu diễn trên sân khấu của các diễn viên bằng hành động, cử chỉ, điệu bộ và bằng lời nói. (Riêng kịch câm không diễn tả bằng lời).

Ở cấp độ loại thể: “Thuật ngữ kịch được dùng để chỉ một thể loại văn học - sân khấu có vị trí tương đương với bi kịch và hài kịch. Với ý nghĩa này kịch còn được gọi là chính kịch”.

1.1.3.2. Kịch bản văn học

Kịch thực ra không phải là một loại thể văn học đơn thuần, không nên đánh đồng kịch bản với nghệ thuật sân khấu nói chung bao gồm kịch nói, kịch hát, kịch múa, nhạc kịch,... Bất cứ loại kịch nào, kể cả kịch câm cũng có kịch bản, nhưng chỉ có kịch hát, nhất là kịch nói mới có KBVH. KBVH là một bộ phận của nghệ thuật ngôn từ nên cũng mang những đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ, có cốt truyện, nhân vật, có hình tượng nghệ thuật...

1.1.4. Đặc trưng loại thể của kịch bản văn học

1.1.4.1. Cốt truyện, sự kiện, hoàn cảnh kịch tập trung cao độ

1.1.4.2. Tình huống là môi trường nảy sinh xung đột kịch

1.1.4.3. Xung đột kịch tạo nên kịch tính, là “linh hồn” của kịch

1.1.4.4. Nhân vật là hình tượng trò diễn

1.1.4.5. Ngôn ngữ kịch giàu tính hành động, cá tính hóa, giàu ẩn ý, giàu chất trữ tình

1.1.4.6. Kết cấu phân hồi, màn, cảnh là đặc trưng của bố cục kịch

1.1.5. Phân loại kịch và đặc trưng của các thể loại kịch

1.1.5.1. Đặc trưng thể loại của chèo dân gian Việt Nam

a. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc

b. Cấu trúc tự sự theo kết cấu “mảnh trò”

c. Nhân vật theo mô-típ

d. Ngôn ngữ chèo giàu chất thơ, chất nhạc, giàu ước lệ tượng trưng

1.1.5.2. Đặc trưng thể loại của bi kịch

a. Nhân vật bi kịch có thể là nhân vật anh hùng nhưng là người anh hùng chiến bại, có thể là những người tốt, có tài luôn cố gắng vượt lên để tốt hơn nhưng không gặp may mắn, thuận lợi. Nhân vật bi kịch bao giờ cũng là có người có phẩm chất anh hùng, có tài năng đặc biệt hoặc lí tưởng sống cao cả hơn người bình thường.

b. Xung đột bi kịch là kết quả của mâu thuẫn không thể hòa giải giữa con người với sự phi lí của xã hội; mâu thuẫn giữa con người với chính bản thân mình. Xung đột ấy chỉ được giải quyết khi tác phẩm kết thúc với sự thất bại của nhân vật chính. Sự thất bại khiến cho khán giả thương cảm và thanh lọc tâm hồn, khiến họ tiếc nuối mà hướng đến cái cao cả.

c. Lỗi lầm bi kịch là một đặc điểm cơ bản để phân biệt với chính kịch và hài kịch. Lỗi lầm của nhân vật bi kịch không phải là sai lầm nhỏ, sai lầm bình thường trong cuộc sống mà là lỗi lầm của thời đại, của tư tưởng vĩ đại.

d. Ngôn ngữ bi kịch giàu chất sử thi, anh hùng ca. Độc thoại, đối thoại trong bi kịch bộc lộ diễn biến tâm lý phức tạp, quyết liệt của nhân vật.

1.1.5.3. Đặc trưng thể loại của hài kịch

a. Nhân vật trong hài kịch có thể là người ở mọi tầng lớp, từ vua quan, quý tộc đến thị dân, tiểu nông, kẻ giàu, người nghèo. Đó là những con người có tâm lí, tính cách, suy nghĩ, lối sống trái ngược, khác lạ, không phù hợp tạo nên những tình huống, những cách ứng xử hài hước, gây cười.

b. Đối tượng phê phán của hài kịch là những hiện tượng lố lăng, kệch cỡm, những sự trống rỗng, hình thức, những kẻ xuẩn ngốc, hợm hĩnh....

c. Xung đột trong hài kịch là xung đột giữa các thế lực xấu xa tìm cách che đậy mình bằng những lớp sơn hào nhoáng, giả tạo bên ngoài. Tính hài được tạo ra từ sự mất cân xứng, hài hòa của nhân vật.

d. Ngôn ngữ trong hài kịch thường đậm chất hài hước, gây cười để châm biếm với thủ pháp nói quá,... qua đó lột tả tính cách nhân vật, thể hiện thái độ phê phán đả kích thói hư tật xấu, giễu nhại những trò rởm đời.

1.1.5.4. Đặc trưng thể loại của chính kịch (kịch drama)

a. Nhân vật trong chính kịch cũng có những người anh hùng nhưng đó là anh hùng của đời thường, thể hiện những lí tưởng sống chân chính. Họ thể hiện những trăn trở, hy vọng, suy tư của con người, những vấn đề có tính chất lí tưởng cách mạng, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, cộng đồng.

b. Xung đột, hành động trong chính kịch là xung đột của cuộc sống đời thường, từ xung đột giai cấp, thiện - ác, đúng - sai, người thân trong gia đình, hai mặt trong bản thân một con người. Xung đột trong chính kịch không gay gắt, khốc liệt như trong bi kịch, nhưng có chiều sâu, có diễn biến tinh vi với những biểu hiện tinh tế của tâm lí nhân vật.

c. Ngôn ngữ chính kịch gần với ngôn ngữ sinh hoạt đời thường hơn bi kịch và hài kịch.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Về KBVH trong Chương trình và SGK Ngữ văn trung học

1.2.1.1. KBVH trong chương trình và SGK THCS

CT và SGK THCS hiện hành có bốn văn bản đọc hiểu thuộc loại kịch, với các thể loại chèo, hài kịch, chính kịch được sắp xếp từ lớp 7 đến lớp 9.

1.2.1.2. KBVH trong chương trình và SGK THPT

CT và SGK THPT hiện hành có bốn văn bản đọc hiểu thuộc loại hình kịch, với các thể loại chèo và bi kịch, đều là các tác phẩm tiêu biểu, mang những đặc trưng thể loại cơ bản của bi kịch, hài kịch và chính kịch.

1.2.2. Về hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu KBVH trong SGK Ngữ văn hiện hành

1.2.2.1. Kết quả thống kê một số câu hỏi đề cập đến đặc trưng thể loại đã được sử dụng trong các bài ĐHVB trong SGK Ngữ văn hiện hành

1.2.2.2. Nhận xét chung về nội dung câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu và các hoạt động đọc hiểu KBVH được đề xuất ở các bài đọc SGK Ngữ văn

1.2.3. Về thực trạng dạy học đọc hiểu KBVH ở trường trung học theo đặc trưng loại thể

1.2.3.1. Đối tượng, phạm vi khảo sát

Chúng tôi đã khảo sát 10 GV và 193 HS thuộc 5 lớp trên địa bàn khảo sát là HS phổ thông (bao gồm cả THCS và THPT) của tỉnh Quảng Ninh theo các tiêu chí sau:

1- Hứng thú học tập của HS đối với hoạt động đọc hiểu KBVH.

2- Nguyên nhân của việc có hoặc không có hứng thú học tập đối với giờ đọc hiểu KBVH.

3- Hoạt động dạy học đọc hiểu KBVH ở trường phổ thông đã bám sát đặc trưng loại thể hay chưa?

1.2.3.2. Kết quả khảo sát (Phụ lục)

1.2.3.3. Đánh giá kết quả khảo sát

a. HS ít hứng thú đối với hoạt động đọc hiểu văn bản kịch bởi một số nguyên nhân từ nội dung thi cử đến PPDH.

b. Hệ thống câu hỏi sử dụng trong dạy học đọc hiểu KBVH ở trường trung học chưa phù hợp đặc trưng loại thể.

c. Các hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa chưa phong phú, chưa tạo được sức hấp dẫn và chưa bám sát yêu cầu của loại hình kịch.

1.2.4. Vấn đề đặt ra từ thực trạng

Những vấn đề còn tồn tại trong dạy học đọc hiểu KBVH ở trường phổ thông như trên đòi hỏi cần có sự thay đổi, bổ sung về quan điểm giáo dục (từ CT, SGK đến kiểm tra đánh giá), phương pháp, biện pháp dạy học, các hình thức tổ chức hoạt động dạy học.

Tiểu kết chương I

Dạy học đọc hiểu KBVH theo đặc trưng thể loại là hướng dạy học đúng đắn, có cơ sở khoa học và đã được quan tâm từ lâu. Bởi KBVH với đặc trưng riêng về mặt loại hình, vừa là tác phẩm nghệ thuật ngôn từ để đọc, vừa là tác phẩm sân khấu dùng để diễn, nên đòi hỏi có phương thức, con đường tiếp cận riêng, phù hợp. Kịch là một loại hình văn học có những đặc điểm riêng về mặt loại thể cần có hướng tiếp cận phù hợp.

Nâng cao chất lượng dạy học KBVH góp phần giúp HS có được những tri thức, kĩ năng cơ bản nhất để phát triển các năng lực của bản thân, trong đó năng lực đọc hiểu văn KBVH.

Chương II

MỘT SỐ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU KỊCH BẢN VĂN HỌC THEO ĐẶC TRƯNG LOẠI THỂ

2.1. Cơ sở và nguyên tắc đề xuất các biện pháp tổ chức dạy học đọc hiểu kịch bản văn học theo đặc trưng loại thể

2.1.1. Các biện pháp đề xuất phải phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi HS và mục tiêu dạy học ở trường phổ thông

2.1.2. Các biện pháp đề xuất đảm bảo phù hợp quan điểm dạy học hiện đại lấy HS làm trung tâm hoạt động học, góp phần nâng cao năng lực tự học cho HS

2.1.3. Các biện pháp đề xuất phải thực hiện được mục tiêu dạy học KBVH theo đặc trưng loại thể

2.2. Đề xuất một số biện pháp dạy học đọc hiểu KBVH theo đặc trưng loại thể

2.2.1. Hướng dẫn HS tự đọc văn bản

2.2.1.1. Đọc lướt toàn bộ phần văn bản để có cái nhìn bao quát.

2.2.1.2. Đọc phần lời dẫn giúp HS hình dung ra tình huống kịch, nhân vật tham gia, bối cảnh thời đại, không gian, thời gian,....

2.2.1.3. Đọc sâu phần lời thoại của nhân vật để thấy được tính cách, diễn biến tâm lí, các cung bậc cảm xúc của nhân vật, xung đột tâm lí của các tuyến nhân vật, của nhân vật,....

2.2.2. Sử dụng hệ thống câu hỏi đọc hiểu bám sát đặc trưng thể loại có ý nghĩa tăng cường tính tích cực chủ động của HS, chống lại thói quen thụ động trong học tập, tăng cường ý thức tự học, rèn luyện kĩ năng tự học tự nghiên cứu cho HS.

2.2.2.1. Câu hỏi huy động tri thức thể loại, hiểu biết văn hóa

Đây là loại câu hỏi tái hiện, định hướng, dẫn dắt HS huy động những tri thức đã có để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra khi đọc hiểu văn bản mới.

*** Một số dạng câu hỏi huy động tri thức đọc hiểu:**

- Câu hỏi trình bày đặc điểm thể loại kịch.
- Câu hỏi thảo luận, trao đổi, trình bày hiểu biết về hoàn cảnh sáng tác, bối cảnh văn hóa xã hội thời điểm văn bản ra đời; về hiện tượng xã hội có liên quan đến chủ đề, đề tài của văn bản.

2.2.2.2. *Câu hỏi tái hiện dùng để tóm tắt nội dung cốt truyện, xác định tình huống kịch, hệ thống nhân vật*

*** Một số dạng câu hỏi cơ bản:**

- Kể lại một cách ngắn gọn câu chuyện xảy ra trong vở kịch.
- Lập bảng thống kê các nhân vật trong đoạn trích, phân loại nhân vật theo tuyến: nhân vật chính – nhân vật phụ, nhân vật phản diện – nhân vật chính diện...

- Những đặc điểm nổi bật về số phận, tính cách, đời sống nội tâm của nhân vật; xác định mâu thuẫn cơ bản của vở kịch.

2.2.2.3. *Câu hỏi đánh giá, nhận định, phân tích sự phát triển của mâu thuẫn, tính cách nhân vật*

Những câu hỏi này định hướng HS đi sâu tìm hiểu các phương diện nội dung và thẩm mỹ của văn bản. Yêu cầu vẫn chỉ là ở mức độ hiểu rõ, hiểu sâu và biết kĩ, chủ động chọn lọc các chi tiết quan trọng, có ý nghĩa thể hiện mâu thuẫn, xung đột kịch, tính cách nhân vật,...

*** Một số dạng câu hỏi cơ bản:**

- Câu hỏi xác định kiểu loại nhân vật kịch, diễn biến tâm lí, tính cách, hành động của nhân vật.

- Câu hỏi xác định hành động kịch: hành động bên trong - hành động bên ngoài, ý nghĩa của hành động kịch trong việc thể hiện diễn biến tâm lí của nhân vật.

- Câu hỏi định hướng tìm hiểu đặc điểm của ngôn ngữ kịch (ngôn ngữ hài kịch, ngôn ngữ bi kịch, ngôn ngữ chính kịch).

2.2.2.4. *Câu hỏi phát hiện, đánh giá nội dung, đặc điểm ngôn ngữ kịch*

Câu hỏi phát hiện là loại câu hỏi định hướng tư duy của HS khi đọc hiểu văn bản phải chú ý phát hiện và đánh giá các chi tiết, tình tiết, ngôn

ngữ của văn bản. Phát hiện được các ý mâu chốt của vấn đề là sự khởi đầu cho các bước hiểu tiếp theo.

* **Một số dạng câu hỏi cơ bản:** Câu hỏi định hướng xác định các loại ngôn ngữ kịch; Câu hỏi định hướng tìm hiểu tính cách nhân vật qua ngôn ngữ; Câu hỏi phân tích, đánh giá đặc điểm của ngôn ngữ nhân vật trong văn bản kịch.

2.2.2.5. Câu hỏi đánh giá, thẩm bình giá trị nội dung và giá trị thẩm mỹ của văn bản kịch

Loại câu hỏi này yêu cầu HS phát huy năng lực tổng hợp, đánh giá của bản thân trước các kiến thức và kỹ năng đã được học. Kiểu câu hỏi này có thể hỏi trực tiếp bằng dạng trình bày ý kiến, suy nghĩ... về văn bản, cũng có thể đưa ra các ý kiến đánh giá khác nhau để HS tham khảo và thảo luận.

* **Một số dạng câu hỏi cơ bản:** Trình bày ý kiến về nhân vật; ý kiến đánh giá về thông điệp tư tưởng nhà văn muốn truyền tải qua văn bản.

2.2.2.6. Câu hỏi gợi mở giúp nâng cao năng lực tổng hợp, năng lực liên hệ, liên kết các nguồn tri thức để giải quyết vấn đề

Câu hỏi gợi mở là loại câu hỏi phù hợp để định hướng HS thực hiện hoạt động vận dụng kiến thức liên văn bản, kiến thức lịch sử, văn hoá xã hội để liên hệ thực tế, để đọc hiểu KBVH.

* **Một số dạng câu hỏi cơ bản:** Gợi mở tri thức nền, tri thức văn hóa xã hội liên quan đến văn bản hoặc chủ đề, đề tài của văn bản; câu hỏi liên hệ thực tế, liên hệ đến các tác phẩm văn học nghệ thuật có liên quan (cùng đề tài, chủ đề, cùng tác giả...); câu hỏi bàn luận trao đổi, trình bày suy nghĩ, quan điểm về các vấn đề của cuộc sống đặt ra trong tác phẩm; câu hỏi gợi mở HS đưa ra ý kiến đánh giá về các yếu tố của văn bản.

2.2.3. Tổ chức thảo luận, tập nghiên cứu theo chuyên đề thể loại

2.2.3.1. Đề tài thảo luận, đề tài nghiên cứu là các vấn đề ngoài văn bản

Sưu tầm tư liệu về tác giả; thảo luận, tìm hiểu về đặc điểm thể loại: thảo luận về một đặc điểm của thể loại thể hiện trong tác phẩm, làm bài tập thống kê, tóm tắt đặc điểm của thể loại và các yếu tố biểu hiện của thể loại

ấy trong tác phẩm; thảo luận, làm bài tập nghiên cứu sưu tầm, đánh giá một số ý kiến, nhận định về tác phẩm.

2.2.3.2. Đề tài thảo luận, đề tài nghiên cứu là các vấn đề trong văn bản

- Tại sao tác giả lựa chọn nhan đề đó cho tác phẩm? Thử đề xuất một nhan đề khác cho văn bản kịch và nêu lí do lựa chọn nhan đề đó.

- Vấn đề đặt ra trong tác phẩm thể hiện ở một số lời thoại, độc thoại, đối thoại của nhân vật trong văn bản (mâu thuẫn, tâm trạng, hay diễn biến tâm lí nhân vật).

- Tìm hiểu, bình luận về cách giải quyết mâu thuẫn trong vở kịch.

- Những vấn đề trong văn bản có ý nghĩa thực tiễn đối với HS.

2.2.4. Tổ chức hoạt động ngoại khóa

Trong dạy học đọc hiểu KBVH, hoạt động ngoại khóa, thảo luận, tập nghiên cứu hướng đến mục tiêu tăng cường hứng thú học tập, kích thích tinh thần chủ động, sáng tạo, phối hợp hoặc độc lập thực hiện các hoạt động học tập để đạt kết quả cao. Hoạt động ngoại khóa góp phần nâng cao năng lực thẩm mĩ, định hướng thị hiếu thẩm mĩ và phát triển những kĩ năng học tập chủ động, tự giác, sáng tạo của HS.

2.2.4.1. Thường thức kịch trên sân khấu góp phần hiểu rõ hơn tác phẩm

2.2.4.2. Tham gia các hoạt động diễn kịch

a. Tổ chức, hướng dẫn HS tham gia xây dựng kế hoạch để phân vai đóng các vở kịch hoặc đoạn trích.

b. Tham gia đóng vai, diễn lại các đoạn trích được học.

c. Tham gia xây dựng kế hoạch biểu diễn một màn kịch.

2.2.4.3. Tổ chức các buổi thảo luận với các chủ đề, đề tài liên quan đến nội dung học tập để củng cố, mở rộng tri thức, giúp HS làm quen với việc sưu tầm tư liệu, tổ chức hoạt động tự học, luyện tập thuyết trình,...

2.3. Vận dụng các biện pháp đã đề xuất để tổ chức dạy học đọc hiểu KBVH theo đặc trưng loại thể

2.3.1. Hướng dẫn HS thực hiện quy trình ĐHVB

2.3.1.1. Thực hiện đọc lướt khi bắt đầu quá trình đọc hiểu KBVH

2.3.1.2. Đọc kĩ phần lời dẫn để có hình dung đầy đủ về tình huống kịch, có chỉ dẫn về hành động và sự xuất hiện của các nhân vật

2.3.1.3. Đọc sâu, đọc kỹ lời thoại để khám phá các giá trị nội dung, tư tưởng nhân sinh và giá trị nghệ thuật của tác phẩm kịch

2.3.2. Xây dựng hệ thống câu hỏi ĐHVB hài kịch

2.3.2.1. Câu hỏi định hướng HS xác định thể loại

2.3.2.2. Câu hỏi định hướng phát hiện các thủ pháp gây cười

2.3.2.3. Câu hỏi xác định tình huống kịch

2.3.2.4. Câu hỏi định hướng tìm hiểu đặc điểm nhân vật

2.3.2.5. Câu hỏi xác định xung đột kịch

2.3.2.6. Câu hỏi định hướng tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ kịch

2.3.3. Xây dựng hệ thống câu hỏi ĐHVB chính kịch

2.3.3.1. Câu hỏi xác định thể loại

2.3.3.2. Câu hỏi khai thác nội dung, đề tài

2.3.3.3. Câu hỏi xác định mâu thuẫn, xung đột kịch

2.3.3.4. Câu hỏi xác định kiểu loại nhân vật và tuyến nhân vật

2.3.3.5. Câu hỏi tìm hiểu ngôn ngữ kịch

2.3.3.6. Câu hỏi hướng dẫn tìm ý nghĩa nhân sinh, giá trị khái quát tư tưởng và giá trị nghệ thuật của văn bản

2.3.4. Xây dựng hệ thống câu hỏi ĐHVB bi kịch

2.3.4.1. Câu hỏi khai thác xung đột bi kịch

2.3.4.2. Câu hỏi phân tích nhân vật bi kịch và lỗi lầm bi kịch

2.3.4.3. Câu hỏi tìm hiểu ngôn ngữ bi kịch

2.3.4.4. Câu hỏi phát hiện ý nghĩa tư tưởng và giá trị nhân sinh

2.3.5. Tổ chức hướng dẫn HS thảo luận nhóm, thực hiện các bài tập tự nghiên cứu

Tùy thuộc đối tượng HS, nội dung bài học, thực tiễn tình huống dạy học và năng lực, hứng thú học tập của HS mà GV thiết kế, tổ chức hoạt động thảo luận nhóm, tập nghiên cứu phù hợp.

- Thực hiện các bài tập nghiên cứu nhỏ (cá nhân hoặc thảo luận nhóm) về các nội dung liên quan như: viết bài tóm tắt về đặc trưng thể loại hài kịch (bi kịch, chính kịch) và đưa ra một số tác phẩm nổi tiếng thuộc thể loại đó. Một số nội dung có thể sử dụng làm bài tập, tình huống nghiên cứu, thảo luận của HS: *Khái quát các đặc điểm thể loại sau khi đọc hiểu*

KBVH; Thảo luận về một số ý kiến khác nhau về nhân vật, xung đột kịch; Nêu ý kiến nhận xét về nhân vật, về ý nghĩa khái quát của KBVH.

2.3.6. Hướng dẫn tổ chức một số hoạt động ngoại khóa

Như phân trên đã đề xuất, có một số hoạt động ngoại khóa phù hợp với dạy học đọc hiểu KBVH, đó là: Suu tầm và sử dụng các tác phẩm mỹ thuật sân khấu trong dạy học; tổ chức cho HS tham gia các hoạt động thưởng thức kịch; tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trình diễn kịch bao gồm: *xây dựng kế hoạch để phân vai đóng các vở kịch hoặc đoạn trích; đóng vai, diễn lại các đoạn trích được học...*

Tiểu kết chương II

Xác định quy trình tổ chức hoạt động dạy học phù hợp, sử dụng hệ thống câu hỏi hợp lí để phát huy tinh thần chủ động, tích cực, tự giác và sáng tạo trong hoạt động học của HS là những định hướng mà luận án đề xuất vận dụng khi dạy học KBVH. Với mỗi yếu tố trong đặc trưng thể loại, GV cần xây dựng một hệ thống câu hỏi định hướng hoạt động tư duy của HS sao cho đúng và trúng vấn đề. Câu hỏi đọc hiểu không chỉ đảm bảo yêu cầu bám sát nội dung bài học mà cần kích thích hoạt động tư duy, nâng cao ý thức tự giác, chủ động và đánh thức hứng thú học tập của HS.

Bên cạnh đó, các hoạt động chuẩn bị bài, tự tìm kiếm tài liệu, thực hiện các bài tập nghiên cứu nhỏ, tổ chức sinh hoạt ngoại khóa phù hợp với thể loại là những hoạt động bổ trợ giúp HS đọc ĐHVB đạt hiệu quả cao hơn.

Chương III

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Giới thiệu chung

3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Mục đích thực nghiệm là kiểm chứng sự đúng đắn của các đề xuất trong luận án. Kiểm chứng khả năng đọc hiểu của học sinh khi vận dụng các tri thức và kĩ năng đọc hiểu theo đặc trưng loại thể và việc thực hiện đọc hiểu văn bản kịch.

3.1.2. Nhiệm vụ thực nghiệm

TNSP có các nhiệm vụ: Chọn đối tượng thực nghiệm (Địa bàn thực nghiệm, bài thực nghiệm, GV thực nghiệm và HS thực nghiệm); tổ chức dạy học theo thiết kế dạy học đọc hiểu kịch bản văn học đúng đặc trưng thể loại của GV; tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả thực nghiệm.

3.2. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực nghiệm

3.2.1. Tiêu chuẩn lựa chọn địa bàn thực nghiệm

Sau khi khảo sát tình hình thực tế, chúng tôi chọn HS và GV thuộc hai trường: Trường THCS Trọng Điểm (Thành phố Cẩm Phả), Trường THPT Đông Thành (Thị xã Quảng Yên).

3.2.2. Lựa chọn và bồi dưỡng GV dạy tiết thực nghiệm

3.2.3. Lựa chọn HS thực nghiệm

Chúng tôi chọn lớp để dạy TN và lớp ĐC có điều kiện học tập, năng lực học tập và các đặc điểm tâm sinh lí tương đương nhau, thậm chí, HS lớp đối chứng có trội hơn về tinh thần học tập và khả năng tiếp thu, sự mạnh dạn, sôi nổi để kết quả thực nghiệm được thể hiện rõ ràng và đáng tin cậy hơn.

1. Dạy học đọc hiểu đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” (Ngữ văn 8)

- **Lớp TN:** Lớp 8A4, THCS Trọng Điểm, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- **Lớp ĐC:** Lớp 8A2, THCS Trọng Điểm, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

2. Dạy học đọc hiểu đoạn trích “Bắc Sơn” (Ngữ văn 9)

- **Lớp TN:** Lớp 9A5, THCS Trọng Điểm, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- **Lớp ĐC:** Lớp 9A3, THCS Trọng Điểm, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

3. Dạy học đọc hiểu đoạn trích “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” (Ngữ văn 12)

- **Lớp TN:** Lớp 12A4, THPT Đông Thành, Quảng Yên, Quảng Ninh
- **Lớp ĐC:** Lớp 12A1, THPT Đông Thành, Quảng Yên, Quảng Ninh

3.3. Nội dung thực nghiệm

3.3.1. Nguyên tắc thiết kế giáo án và giáo án TN

- a. Thiết kế tuân thủ yêu cầu của dạy học KBVH theo đặc trưng thể loại.

b. Thiết kế theo định hướng “lấy học sinh làm trung tâm”, chú ý đến tổ chức, hướng dẫn HS hoạt động, kích thích hứng thú học tập, sự sáng tạo, chủ động học tập của HS.

c. Thiết kế chú ý phù hợp HS (lứa tuổi, đặc điểm vùng miền...).

d. Thiết kế vận dụng các biện pháp mà tác giả luận án đã đề xuất.

3.3.2. Tổ chức dạy thực nghiệm: Thời gian thực nghiệm năm học 2012-2013, 2013-2014.

3.3.3. Đánh giá thực nghiệm về mặt định lượng

3.3.3.1. Kỹ thuật đánh giá thực nghiệm

a. Về mô tả dữ liệu điểm đạt được của HS.

b. Về kiểm định giá trị so sánh giữa thực nghiệm và đối chứng.

3.3.3.2. Kết quả thực nghiệm sư phạm.

Độ chênh lệch điểm trung bình các bài kiểm tra ở lớp TN và lớp ĐC sau TN đều lớn hơn 0 chứng tỏ hoạt động TN được áp dụng là có kết quả. Tuy nhiên, sự thay đổi của chất lượng dạy học, trình độ của HS không thể thể hiện rõ ngay qua một vài tiết học. Nếu được áp dụng thường xuyên trong cả quá trình thì hiệu quả sẽ được nâng cao hơn nữa.

3.3.4. Đánh giá kết quả thực nghiệm về mặt định tính

Đây là cách đánh giá thông qua ý kiến của GV tham gia dạy ĐC, dạy TN về nội dung thiết kế giáo án và về hứng thú học tập của HS.

3.3.4.1. Về thiết kế giáo án của GV

3.3.4.2. Về hứng thú học tập của HS

3.4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm

3.4.1. Khi vận dụng các biện pháp, định hướng mà luận án đề xuất vào bài dạy đọc hiểu KBVH, kết quả điều tra hứng thú học tập và kết quả bài kiểm tra đánh giá cho thấy việc xác định đúng đặc trưng thể loại để có định hướng phù hợp sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dạy đọc hiểu KBVH cho HS phổ thông.

3.4.2. Khi chú ý đến đặc trưng thể loại và vận dụng các biện pháp khơi gợi, hệ thống câu hỏi và bài tập hợp lí, tổ chức hoạt động học tập phù hợp và thiết kế, dạy TN giúp HS có hứng thú học tập hơn, HS được định hướng tư duy đúng để từ đó thấy được điểm riêng, độc đáo của văn bản kịch.

3.4.3. Bám sát đặc trưng thể loại, tăng cường chú ý nâng cao năng lực ĐHV B cho HS, chú ý tổ chức các hoạt động học tập để tăng cường sự chủ động, sáng tạo của HS nên các đề xuất trong luận án đã thể hiện tính khả thi và có ý nghĩa thực tiễn.

3.4.4. Dạy ĐHV B thuộc loại hình kịch hay các văn bản tự sự, trữ tình, đều cần phải gắn với thực tế cuộc sống. HS sẽ hứng thú hơn khi cuộc sống thực tế hàng ngày được kết nối với bài học và mỗi giờ học trên lớp lại dẫn HS đến được với một bài học về nhân sinh nào đó có ý nghĩa.

Tiểu kết chương III

Các hoạt động, hệ thống câu hỏi và bài tập đọc hiểu chúng tôi đề xuất được vận dụng trong việc tổ chức dạy học đọc hiểu KBVH tại một số trường Trung học địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tính khả thi của giả thuyết khoa học đã được chứng minh ở mức độ nhất định. Qua phân tích đánh giá toàn bộ quá trình thực nghiệm, bước đầu có thể rút ra một số kết luận sau:

Một là, những đề xuất được GV tiếp nhận và vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong triển khai các thiết kế bài học và trong các tiết dạy. Các định hướng ấy đã giúp GV và HS tổ chức được các hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng thể loại KBVH, từ đó kích thích hứng thú học tập và nâng cao kĩ năng đọc hiểu KBVH.

Hai là, sau tác động sư phạm, các nhóm TN đã thể hiện năng lực đọc hiểu KBVH tốt hơn, có ý thức về việc bám sát đặc trưng thể loại rõ hơn so với ĐC. Bằng các phương pháp quan sát và phỏng vấn chúng tôi nhận thấy HS tham gia các tiết học TN một cách chủ động, hào hứng và tích cực hơn hẳn HS ở các lớp ĐC.

Ba là, những kết quả thu được đã một lần nữa khẳng định: dạy ĐHV B theo đặc trưng thể loại là định hướng cơ bản và luôn đúng đắn. Đọc hiểu bất kì một văn bản nào cũng phải hiểu rõ đặc trưng thể loại, đặc biệt là với loại hình kịch vốn không được HS hứng thú.

KẾT LUẬN

Luận án được thực hiện trên cơ sở của sự nhận thức đúng đắn về việc vận dụng đặc trưng loại thể vào dạy học TPVC nói chung, dạy đọc hiểu

KBVH nói riêng nhằm đáp ứng đòi hỏi của việc đổi mới PPDH Văn. Trong tinh thần đổi mới dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực, việc bám sát đặc trưng thể loại để tổ chức các hoạt động tiếp thu, tích lũy tri thức và nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản là hướng nghiên cứu đúng đắn. Qua nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số kết luận sau về vấn đề dạy đọc hiểu kịch bản văn học theo đặc trưng loại thể:

1. KBVH là loại hình nghệ thuật tổng hợp, có những đặc trưng loại hình riêng so với tự sự và trữ tình. Muốn có định hướng dạy học đúng đắn thì việc nghiên cứu, nắm vững đặc trưng loại thể của KBVH là công việc quan trọng, quyết định hiệu quả của dạy đọc hiểu kịch trong nhà trường. Bám sát đặc trưng thể loại là con đường đúng nhất, ngắn nhất và hiệu quả nhất của hoạt động đọc hiểu KBVH.

2. Trong loại hình kịch lại có các thể loại khác nhau. Xác định đúng thể loại mới có thể đi đến đích hiểu của hoạt động đọc. Các yếu tố nghệ thuật của loại hình kịch từ tình huống kịch, xung đột kịch, nhân vật và ngôn ngữ kịch đều mang đặc điểm riêng về mặt thể loại. Những đặc điểm riêng ấy là cơ sở để lí giải các yếu tố tạo thành tác phẩm kịch. Hay nói cách khác, những đặc trưng thể loại ấy là một phần quan trọng trong “bộ công cụ” tri thức đọc hiểu giúp HS đến với các tầng giá trị của tác phẩm.

3. Bám sát đặc trưng loại thể của KBVH, luận án đã phác thảo một quy trình đọc hiểu chung và cụ thể hóa thành các hoạt động cụ thể để hướng dẫn HS đọc hiểu KBVH. Đó là các hoạt động: hướng dẫn đọc, huy động tri thức đọc hiểu, xây dựng hệ thống câu hỏi đọc hiểu phù hợp và thiết kế, đề xuất các hoạt động ngoại khóa có tính khả thi... Các hoạt động đó được vận dụng một cách sáng tạo và linh hoạt trong các bài dạy cụ thể tùy theo văn bản đọc hiểu và đối tượng HS.

4. Các đề xuất chung đã được vận dụng để định hướng tổ chức hoạt động đọc hiểu các tác phẩm thuộc các thể loại kịch, của các tác giả kịch tiêu biểu được tuyển chọn trong SGK hiện hành và được vận dụng trong ba thiết kế thực nghiệm. Qua TN và lấy ý kiến nhận xét của GV, đồng nghiệp, các nhà khoa học đã bước đầu khẳng định tính hợp lí, khả thi, vừa sức và phù hợp với việc dạy học KBVH theo tinh thần đổi mới. Qua mỗi

bài học hình thành cho HS con đường tư duy để HS có năng lực đọc hiểu các văn bản khác. Qua đó phát huy tinh thần tự học, độc lập, tự chủ và sáng tạo.

5. Một số khuyến nghị

5.1. Về nội dung CT, SGK và tài liệu học tập

5.1.1. Cần có bài lí thuyết thể loại để tổ chức các hoạt động học tập giúp HS tìm tòi nghiên cứu từ đó tự trang bị đầy đủ tri thức công cụ. Trong đó, KBVH không chỉ được nhìn nhận là VBVH mà cần đặt trong môi trường diễn xướng với đặc trưng riêng của nó. Nghĩa là HS phải có cơ hội tìm hiểu toàn bộ đời sống của kịch: kịch bản, sân khấu, kĩ thuật sân khấu âm nhạc, tổ chức biểu diễn,...

5.1.2. Các tác phẩm thuộc loại kịch khi lựa chọn đưa vào chương trình cần đảm bảo sự có mặt của đầy đủ các thể loại sân khấu dân gian và hiện đại. Chương trình, SGK quy định mục tiêu dạy học nên các tác phẩm chọn lựa phải giúp HS có cái nhìn đầy đủ, toàn diện và sâu sắc. Chẳng hạn về kịch dân gian: HS cần được tiếp xúc với đủ các thể loại sân khấu dân gian. Vì đây là một di sản văn hóa dân tộc có giá trị và rất phù hợp với giai đoạn phát triển của HS trung học.

5.1.3. CT và SGK mới phải có nội dung giúp HS hiểu biết và nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật kịch, có hứng thú với kịch và các sinh hoạt văn hóa liên quan. Vì vậy những văn bản đọc hiểu giới thiệu về kịch, về văn chương sẽ giúp ích cho HS rất nhiều trong việc củng cố tri thức, rèn luyện bản lĩnh văn hóa. Từ đó hiểu và yêu hơn văn học dân gian của dân tộc.

5.1.4. Các hoạt động ngoài giờ liên quan đến loại hình vốn vẫn được đưa vào hoạt động ngoại khóa trước đây nên được quy định thuộc nội dung chương trình học tập chính khóa bắt buộc của HS. Bởi các hoạt động này có thể giúp HS phát triển các năng lực cá nhân rất hiệu quả.

5.1.5. Tài liệu tham khảo cần hạn chế các loại tài liệu có tính chất truyền thụ kiến thức, theo kiểu đọc hộ, cảm thụ hộ, đánh giá thay HS của các nhà nghiên cứu. Tăng cường các tài liệu tham khảo có nội dung hướng dẫn, tổ

chức hoạt động tự đọc, tự học để nâng cao năng lực học tập cho HS. Phải chỉ ra cho HS con đường để tìm đến các giá trị đích thực của tác phẩm văn học.

5.2. Về nội dung và phương pháp dạy học

Một là: Cần xác định rõ hơn vị trí của loại hình kịch trong cơ cấu văn bản đọc hiểu đưa vào SGK. Đọc hiểu KBVH sẽ giúp HS nâng cao năng lực văn hóa, hình thành thói quen tham gia các hoạt động thưởng thức nghệ thuật. Khi lựa chọn cần chú ý đến các văn bản gần gũi với tâm sinh lí lứa tuổi HS, mang hơi thở thời đại hoặc đề xuất những vấn đề có ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Hai là: Trong dạy đọc hiểu KBVH cần chú ý tăng cường các hoạt động tạo hứng thú học tập cho HS. Do chưa thấy được cái hay, sức hấp dẫn của văn bản kịch nên đến nay HS vẫn không thích đọc các văn bản thuộc các thể loại kịch. HS không chán kịch, bằng chứng là các hoạt động ngoại khóa văn học vẫn thường có hình thức chuyển thể truyện thành kịch để biểu diễn.

Ba là: Cùng với tự sự và trữ tình, kịch được đưa vào chương trình SGK với tư cách là một trong ba loại hình văn học cơ bản. Nên cần xác định đúng vị trí của KBVH trong các kì thi, kiểm tra, đánh giá ở nhà trường. Không chỉ có các câu hỏi về các văn bản kịch cụ thể mà cần có các câu hỏi, các định hướng để giúp HS nâng cao ý thức, hứng thú đối với KBVH, tăng cường mở rộng tri thức và kĩ năng về kịch để từ đó HS hiểu đúng, hiểu rõ và tăng hứng thú đối với hoạt động đọc hiểu văn bản kịch và các hoạt động thưởng thức, tìm hiểu về loại hình văn học gắn liền với sân khấu diễn xướng này.

Như vậy, KBVH là một loại hình nghệ thuật ngôn từ với những đặc trưng loại thể riêng biệt. Cho nên bám sát đặc trưng loại thể và các đặc điểm cụ thể của mỗi thể loại là yếu tố quan trọng nhất quyết định hiệu quả của hoạt động đọc hiểu văn bản kịch. Song yếu tố có tính quyết định lại thuộc về kĩ năng sư phạm và sự vận dụng linh hoạt và sáng tạo của mỗi giáo viên Ngữ văn.